TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 22-01-2018
Về việc: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Bồng**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Mạnh**
2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Hoà**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Đinh Duy Toàn** - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

Ngày 22-01-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2017/TLST-HNGĐ ngày 13-10-2017 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2017/QĐXX - HNGĐ ngày 18-12-2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Bùi Ngọc T**, sinh năm 1966 (có mặt)
Địa chỉ: Số nhà 192 đường, phường N, tp.Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà **Bùi Thị Thanh C,** sinh năm 1968
Địa chỉ: Nơi cư trú cuối cùng tổ 6, phường N, tp.Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng (bà C vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

+ Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-10-2017, và các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Bùi Thị Thanh Cchung sống với nhau có kết hôn vào ngày 08/08/1996 và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung không có mâu thuẫn gì lớn cùng nhau lo làm ăn nuôi con. Nhưng vào tháng12/ 2005 bà C tự ý bỏ nhà đi do làm ăn thua lỗ, ông đã đi tìm kiếm khắp nơi một mình ông vừa phải làm nuôi con vừa phải trả nợ cho bà C, bà C bỏ nhà đi đã 12 năm nay không có thông tin hoặc tin tức gì, ông đã làm thủ tục đăng tin tìm kiếm khắp nơi nhưng không biết bà C ở đâu, ông đã làm thủ tục tuyên bố mất tích ngày 21/07/2017 nhưng từ khi Toà tuyên bố bà C mất tích đến nay bà C cũng không trở về.

Nay ông làm thủ tục xin ly hôn cùng bà C vì giữa hai người không có cuộc sống chung hôn nhân không tồn tại nên ông yêu cầu được ly hôn với người mất tích.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Bùi Gia H,** sinh ngày 01/11/1996 và **Bùi Gia Đ,** sinh ngày 08/02/2001. Hiên nay hai con chung đang ở với ông, cháu H đã trưởng thành còn cháu Đ ông yêu cầu được nuôi con cho đến khi trưởng thành.
- Về tài sản chung: Ông T khai vợ chồng không có tài sản chung.
- Về nợ chung: Ông T khai không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Tại phiên toà hôm nay bà Bùi Thị Thanh C đã được triệu tập, niêm yết hợp lệ để xét xử nhưng bà C vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 điều 228 bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Bùi Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà Bùi Thị Thanh C, nơi cư trú cuối cùng của bà C tại tổ 6, phường N, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Áp dụng pháp luật: Xác định đây là tranh chấp ly hôn áp dụng khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Ngọc T, bà Bùi Thị Thanh C chung sống với nhau có kết hôn vào ngày 08/08/1996 và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng hôn nhân tự nguyện tiến bộ, không ai bị ép buộc. Vợ chồng ông T và bà C chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà C vay mượn nợ không có khả năng chi trả và bà C đã bỏ nhà đi từ tháng 12/2005 cho đến nay, ông T đã tìm kiếm khắp nơi ông đã làn thủ tục đăng tin tìm kiếm trên báo đài trung ương, địa phương nhưng cho đến nay kể từ ngày Toà án tuyên mất tích đến nay bà cũng không trở về. Xét thấy hôn nhân của ông T và bà C không tồn tại không có cuộc sống chung, chỉ ràng buộc nhau bởi giấy chứng nhận kết hôn nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ và hợp pháp.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Bùi Gia H,** sinh ngày 01/11/1996 và **Bùi Gia Đ,** sinh ngày 08/02/2001. Hiên nay hai con chung đang ở với ông, cháu H đã trưởng thành còn cháu Đ ông yêu cầu được nuôi con đến trưởng thành. Xét thấy việc bà C bỏ đi đã 12 năm qua ông T đảm bảo cho việc nuôi con các cháu ăn học đàng hoàng do đó tiếp tục giao cháu Bùi Gia Đ cho ông T nuôi đến tuổi trưởng thành là có căn cứ đúng pháp luật

[5] Về tài sản chung: Ông T khai vợ chồng sống chung không có tài sản chung.

[6] Về nợ chung; nợ riêng: Ông T khai không có. Trong quá trình giải quyết không có ai tranh chấp nên không xem xét.

[7] Về án phí: Ông T phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 141; 144; khoản 1 Điều 228; 271 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng nghị quyết số 326/2016/ ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa ông **Bùi Ngọc T** và bà **Bùi Thị Thanh C.**

2/ Về quan hệ con cái: Xử giao con tên **Bùi Gia Đ,** sinh ngày 08/02/2001 cho ông T nuôi cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Ông **Bùi Ngọc T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn theo biên lai thu số AA/2016/0001988 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc. Ông T đã nôp đủ án phí.

4/Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng.
- VKSND tỉnh Lâm Đồng.
- VKSND TP. Bảo Lộc.
- Đương sự.
- Lưu..

Lê Thị Thanh Bồng